

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2021

V/v: “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Phước;
2. Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 623/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2021 và Thông báo về việc dời phiên tòa số 27/TB-TA, ngày 23 tháng 6 năm 2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 51/TB-Ta, ngày 21 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp A, xã AN, huyện Đ, tỉnh Long An; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Ngô Trọng H, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp TS, xã ĐT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ nguyên đơn chị Lê Thị T, trình bày:

Chị và anh H qua một thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

ĐT vào tháng 9 năm 2017. Từ khi kết hôn chị và anh H cùng nhau chung sống tại ấp TS, xã ĐT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống hôn nhân ban đầu khá hạnh phúc, đến tháng 8 năm 2018 chị phát hiện anh H có tình cảm với khác, thậm chí công khai đưa về nhà. Từ đó, chị và con đi về bên nhà cha mẹ ruột chị sống và không liên lạc với anh H cho đến nay. Trong thời gian chị và anh H sống ly thân, anh H không hề có thiện chí hàn gắn, cũng không có trách nhiệm gì với con. Nay chị nhận thấy đời sống hôn nhân với anh H không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Trọng H.

Thời gian chung sống vợ chồng, chị và anh H có 01 con chung tên Ngô Huy H1, sinh ngày 07-7-2017. Hiện nay cháu H1, chị đang nuôi dưỡng. Khi Tòa án cho chị và anh H ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Ngô Huy H1. Chị không yêu cầu cấp phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Trọng H trong quá trình giải quyết vụ án đã cung cấp lời khai cho Tòa án, anh Ngô Trọng H trình bày: Anh thừa nhận chị T trình bày về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do anh và chị T tính tình không hợp nhau. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn với chị T. Khi ly hôn, về con chung anh đồng ý để chị T được trực tiếp nuôi con chung tên Ngô Huy H1, sinh ngày 07-7-2017, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về nợ chung, tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng.

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; Riêng bị đơn anh Ngô Trọng H chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, vắng mặt không tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án không lý do, làm cho việc giải quyết vụ án kéo dài thời gian.

2. Việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 56, 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T đối với anh Ngô Trọng H. Chị Lê Thị T được ly hôn anh Ngô Trọng H.

Về con chung: Giao chị Lê Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Ngô Huy H1, sinh ngày 07-7-2017. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H không có tranh chấp, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tổ tụng:

Chị Lê Thị T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Ngô Trọng H. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Lê Thị T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Ngô Trọng H vắng mặt tại phiên tòa Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Chị T và anh H qua một thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT vào tháng 9 năm 2017. Sau kết hôn chị T và anh H cùng nhau chung sống bên gia đình cha mẹ anh H tại ấp TS, xã ĐT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh H ban đầu khá hạnh phúc, đến tháng 8 năm 2018 chị T phát hiện anh H có tình cảm với khác. Từ đó, chị và anh H mâu thuẫn nhau trầm trọng, chị T và con bỏ đi về bên nhà cha mẹ ruột chị sống và không liên lạc với anh H cho đến nay. Trong thời gian chị T và anh H sống ly thân, chị và anh H không hề có thiện chí hàn gắn. Nay chị T nhận thấy đời sống hôn nhân với anh H không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Trọng H.

Anh Ngô Trọng H thừa nhận chị T trình bày về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do anh và chị T không hợp nhau. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh H, anh H đồng ý ly hôn với chị T. Mặc khác, Tòa án đã triệu tập anh H đến Tòa án để hòa giải cho với chị T nhưng anh H không đến Tòa án cũng nhưng không đến Tòa án để tham dự phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn hôn nhân gia đình giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, chị T và anh H không thể hàn gắn đoàn tụ, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn

nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T đối với anh Ngô Trọng H là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung tên Ngô Huy H1, sinh ngày 17-7-2017 hiện nay chị T đang nuôi dưỡng, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu H1. Do đó, để tạo điều kiện cho sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của cháu H1, cần giao cháu H1 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với các Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Lê Thị T. Chị Lê Thị T được ly hôn đối với anh Ngô Trọng H.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Huy H1, sinh ngày 17-7-2017 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, án phí dân sự sơ thẩm, nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị T đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014793 ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho chị T và anh H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Đ;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Tấn Đạt